

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2024/DS-ST

Ngày: 30-8-2024

V/v “Tranh chấp hợp đồng cầm cố
tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH BẠC LIÊU**

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Kiều Diễm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Tâm

2. Bà Đỗ Kim Phụng

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Trương Quốc Đại, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa:* Ông Lê Quốc Huy – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 110/2024/TLST-DS ngày 22 tháng 4 năm 2024 về “Tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 68/2024/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Công ty T

Địa chỉ: 128 Nguyễn Du, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

Người đại diện theo uỷ quyền: Anh Huỳnh Văn L, sinh năm 1984

Địa chỉ: 134/4, khóm 2, phường 7, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.

- **Bị đơn:** Anh Trần Văn K, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Ấp L, xã A, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu

(Đại diện nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 15/02/2024, bản tự khai đại diện nguyên đơn trình bày:

Ngày 28/3/2023, Công ty T (công ty) có ký hợp đồng cầm cố tài sản số GRM230301011NA22X với anh K, theo đó công ty cầm cố 01 xe mô tô hai bánh biển kiểm soát 94B1-631.62, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất 1.1%/năm, kỳ hạn trả nợ gốc và lãi trả cố định hàng tháng.

Công ty đã cầm cố xe với số tiền 23.100.000 đồng. Do có nhu cầu cần có xe đi lại hàng ngày nên Công ty có ký giấy cho anh K mượn lại xe sử dụng. Trong giấy mượn xe từ ngày 28/3/2023 đến ngày 28/4/2023 địa điểm trả xe là tại chi nhánh Giá Rai - Bạc Liêu. Quá trình làm việc anh K cam kết rõ trong giấy mượn xe “Hoàn trả đúng thời gian quy định như đã thoả thuận”.

Quá trình trả nợ, chưa thanh toán đúng nghĩa vụ hợp đồng của công ty. Hiện nay anh K còn nợ lại công ty số tiền 23.896.000 đồng (trong đó vốn 17.731.000 đồng, lãi 1.314.000 đồng, Phí mượn xe là 4.851.000 đồng).

Kể từ ngày 15/2/2024, anh K không trả nợ đúng hạn, phát sinh nợ quá hạn, vi phạm Hợp đồng cầm cố nhiều lần, công ty đã làm việc với anh K nhưng anh vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Tính đến ngày 15/2/2024, anh K còn 23.896.000 đồng (trong đó vốn 17.731.000 đồng, lãi 1.314.000 đồng, Phí mượn xe là 4.851.000 đồng).

Do anh K đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng đã ký nên công ty yêu cầu anh K trả số tiền 23.896.000 đồng (trong đó vốn 17.731.000 đồng, lãi 1.314.000 đồng, Phí mượn xe là 4.851.000 đồng) và yêu cầu trả tiền lãi phát sinh theo hợp đồng đã ký kết cho đến khi trả dứt nợ.

Ngày 02/8/2024, đại diện của công ty có rút lại 01 phần yêu cầu khởi kiện, hiện nay yêu cầu anh K hoàn trả lại số tiền vốn 17.731.000 đồng, lãi 1.314.000 đồng và yêu cầu trả tiền lãi phát sinh theo hợp đồng đã ký kết cho đến khi trả dứt nợ. Rút lại phần tiền Phí mượn xe là 4.851.000 đồng.

- Đối với bị đơn Anh Trần Văn K: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cũng như triệu tập Anh Trần Văn K tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng Anh Trần Văn K vắng mặt không rõ lý do.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến và đề nghị:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa.

Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt; căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự giải quyết vắng mặt bị đơn.

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 và khoản 3 Điều 228, khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 309, Điều 310, Điều 311, Điều 316 và 494 Bộ luật dân sự 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty T đối với Anh Trần Văn K.

Buộc Anh Trần Văn K giao trả cho Công ty T số tiền tổng số tiền 19.045.000 đồng (trong đó vốn 17.731.000 đồng, lãi 1.314.000 đồng) (tính đến ngày 16/2/2024) và tiếp tục trả lãi phát sinh theo hợp đồng cầm cố đã ký cho đến khi dứt nợ.

Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu của Công ty T, yêu cầu Anh Trần Văn K giao trả số tiền 4.851.000 đồng.

Án phí: Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch anh K phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ về tuân theo pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1] Công ty T khởi kiện yêu cầu Anh Trần Văn K giải quyết tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản đối với bị đơn cầu Anh Trần Văn K cư trú tại Ấp L, xã A, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu. Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ.

[1.2] Đại diện Công ty T có đơn đề nghị vắng mặt. Anh Trần Văn K vắng mặt lần thứ hai. Căn cứ vào khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt đương sự nêu trên.

[1.3] Đại diện Công ty T có khởi kiện yêu Anh Trần Văn K trả số tiền 23.896.000 đồng (trong đó vốn 17.731.000 đồng, lãi 1.314.000 đồng, Phí mượn xe là 4.851.000 đồng).

Tuy nhiên đến ngày 02/8/2024 công ty có đơn rút lại một phần yêu cầu khởi kiện rút lại yêu cầu là 4.851.000 đồng, chỉ yêu cầu trả số tiền 19.045.000 đồng (trong đó vốn 17.731.000 đồng, lãi 1.314.000 đồng). Đây là sự tự nguyện của đương sự và phù hợp quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Căn cứ Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ đối với yêu cầu mà công ty đã rút.

[2]. Về nội dung:

Xét thấy, do Anh Trần Văn K cố tình vắng mặt, xem như anh tự từ bỏ quyền tham gia tố tụng. Vì vậy, Công ty Srisawad có quyền, nghĩa vụ cung cấp chứng cứ để chứng minh cho lời trình bày của mình là có căn cứ và hợp pháp. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện, Công ty Srisawad cung cấp: Hợp đồng cầm cố; Phiếu đăng ký cầm cố xe máy; Giấy mượn xe; căn cước công dân; giấy chứng nhận đăng ký xe của Anh Trần Văn K.

Như vậy, căn cứ theo nội dung trong hợp đồng cầm cố xe và các giấy tờ nêu trên có đủ cơ sở để xác định vào ngày 28/3/2023 Anh Trần Văn K có ký hợp đồng cầm cố chiếc xe 01 xe mô tô hai bánh biển kiểm soát 94B1-631.62, số giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy 000427 do công an tỉnh Bạc Liêu cấp, cầm cố cho công ty Srisawad với số tiền 23.100.000 đồng, lãi suất 1,1%/tháng. Đây là tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản được quy định tại Điều 309 Bộ luật dân sự 2015, nên khi phát sinh tranh chấp được Bộ luật này Điều chỉnh. Công ty Srisawad chứng minh được việc anh K có cầm số xe cho công ty với số tiền 23.100.000,

chưa trả được số tiền nào cho Công ty T. Từ ngày 15/02/2024 cho đến nay anh K không thực hiện nghĩa vụ đúng hạn, đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận tại hợp đồng, đã xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty. Do đó, Công ty T khởi kiện đối với anh K là có căn cứ.

Mặc dù các khoản nợ hiện nay đã quá hạn thanh toán nhưng bị đơn cũng không có thiện chí thanh toán nợ cho Công ty. Đại diện nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc anh K có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty T số tiền theo hợp đồng tính đến ngày 15/02/2024 là 19.045.000 đồng (trong đó vốn 17.731.000 đồng, lãi 1.314.000 đồng). Anh K còn có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty tiền lãi phát sinh kể từ ngày 16/02/2024 cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ theo các hợp đồng đã ký kết.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Công ty T không phải nộp án phí. Số tiền tạm ứng án phí 597.000 Công ty Srisawad đã nộp ngày 22/4/2024 theo biên lai thu số 0010198 được hoàn lại đủ. Anh Trần Văn K phải nộp án phí số tiền 952.250 đồng. Các đương sự nộp và nhận tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 và khoản 3 Điều 228, khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 309, Điều 310, Điều 311, Điều 316 và 494 Bộ luật dân sự 2015;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu của Công ty T, yêu cầu Anh Trần Văn K giao trả số tiền 4.851.000 đồng.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty T đối với Anh Trần Văn K.

Buộc Anh Trần Văn K giao trả cho Công ty T số tiền tổng số tiền 19.045.000 đồng (trong đó vốn 17.731.000 đồng, lãi 1.314.000 đồng) (tính đến ngày 16/02/2024) và tiếp tục trả lãi phát sinh theo hợp đồng cầm cố đã ký cho đến

khi dứt nợ.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Công ty T không phải nộp án phí. Số tiền tạm ứng án phí 597.000 Công ty Srisawad đã nộp ngày 22/4/2024 theo biên lai thu số 0010198 được hoàn lại đủ. Anh Trần Văn K phải nộp án phí số tiền 952.250 đồng. Các đương sự nộp và nhận tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai, các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Đ;
- Cơ quan THA huyện Đ;
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- Lưu: HS;VT-TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Phạm Kiều Diễm